Trường TH& THCS Hiền Hào

Tổ: THCS

GV: Hà Quang Ái

**TIẾT 106,107: CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP**

Môn: Ngữ văn 9

Thời gian thực hiện: 02 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

Sau khi học xong bài này, học sinh:

**a) Kiến thức**

- Biết đặc điểm của các thành phần biệt lập tình thái, cảm thán.

- Hiểu công dụng của các thành phần biệt lập tình thái, cảm thán trong câu.

- Vận dụng đặt câu có thành phần tình thái và thành phần cảm thán.

**b) Kĩ năng**

- Nhận biết các thành phần biệt lập tình thái, cảm thán.

- Đặt câu có thành phần tình thái và thành phần cảm thán.

**2. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh**

**a) Các phẩm chất**

- Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**b) Các năng lực chung**

- Năng lực: tự học, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ; tiếp nhận và tạo lập văn bản.

**c) Các năng lực chuyên biệt**

**-** Năng lực: cảm thụ, giao tiếp

**II. CHUẨN BỊ**

**GV**: GAĐT

**HS**: Học bài cũ, soạn bài mới theo hướng dẫn của GV.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (1’)**

- Phương pháp: Thuyết trình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THẦY** | **TRÒ** | **CHUẨN KT- KN CẦN ĐẠT** |
| - GV giới thiệu bài: Trong câu, ngoài các thành phần như chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ, khởi ngữ.. là những thành phần tham gia vào nghĩa sự việc (nghĩa miêu tả) của câu, còn có những thành phần không nằm trong cấu trúc ngữ pháp của câu, tách rời khỏi nghĩa sự việc để biểu thị thái độ của người nói, hoặc để gọi đáp...Vậy những thành phần đó là gì, chúng có đặc điểm như thế nào, chúng ta tìm hiểu bài hôm nay. | - Nghe |  |

**A. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (15’)**

- Phương pháp: đọc, nêu vấn đề, thuyết trình.

- Kĩ thuật: động não

- Năng lực: tư duy, tự học, sd ngôn ngữ...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THẦY** | **TRÒ** | **CHUẨN KT- KN CẦN ĐẠT** |
| **I. Hướng dẫn HS tìm hiểu thế nào là thành phần biệt lập**  **+** GV gọi HS đọc vd  H. Phân tích cấu tạo ngữ pháp của các ví dụ trên?  H. Em nhận xét về vị trí, nghĩa của các từ, cụm từ không gạch chân?  (có tham gia vào việc diễn đạt nghiẫ sự việc của câu không?)  + Vị trí: Có thể đứng đầu, đứng giữa không nằm trong cấu trúc cú pháp của câu.  + Về nghĩa: Không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu  H: Đó là thành phần biệt lập của câu. Em hiểu thế nào là thành phần biệt lập? | **I. Tìm hiểu thế nào là t/p biệt lập**  - Đọc ví dụ  - Lên bảng làm  -> Nhận xét  - Nhận xét  .  - Đánh giá khái quát | **I .Thế nào là thành phần biệt lập?**  ***1 Ví dụ :***  a. Hình như Lan //không đi học .  CN VN  b. Này, hôm nay thầy// có đến không?  TN CN VN  c. Than ôi ! thời oanh liệt // nay còn đâu!  CN TN VN  d. Cô bé nhà bên (có ai ngờ ) cũng vào  CN VN  du kích.  ***2. Nhận xét***  - Thành phần biệt lập là thành phần không tham gia vào diễn đạt nghĩa sự việc của câu. |
| **II. Hướng dẫn HS tìm hiểu thành phần tình thái**  + GV gọi HS đọc vd.  H: Phân tích cấu tạo ngữ pháp của các câu có chứa từ in đậm trong VD trên?  H: Sự việc đ­ược nói đến trong mỗi câu văn có từ ngữ in đậm là gì?  H: Các từ ngữ in đậm thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc nêu ở trong câu nh­ư thế nào?  a. độ tin cậy cao “ Chắc”  b. độ tin cậy ch­ưa cao “ Có lẽ”  H: Nếu không có các từ ngữ in đậm thì nghĩa sự việc của câu chứa chúng có thay đổi không? Vì sao***?***  -Ý nghĩa sự việc của câu không thay đổi.  - Vì các từ ngữ in đậm không tham gia diễn đạt nghĩa sự việc, chỉ thể hiện thái độ, cách nhìn sự việc của ngư­ời nói.  GV Những từ ngữ in đậm này được gọi là thành phần tình thái.  H. Em hiểu thế nào là thành phần tình thái?  + Gọi HS đọc VD2:  H: Theo em từ nào không nằm trong cấu trúc câu của 2 VD này? Chúng có tác dụng gì?  GV: Những từ ngữ này cũng được gọi là thành phần tình thái.  H: Qua 2 VD em rút ra nhận xét gì về thành phần tình thái:  + Các loại tình thái?  + Vị trí của thành phần tình thái trong câu?  **II.2Hướng dẫn học sinh tìm hiểu thành phần cảm thán**  + GV gọi HS đọc vd.  + GV cho HS thảo luận theo câu hỏi:  - Các từ ngữ in đậm: **ồ, trời ơi** có chỉ sự vật, sự việc gì không?   * Các từ ngữ đó dùng để làm gì?   - Nhờ những từ ngữ nào trong câu mà chúng ta hiểu tại sao ng­ười nói kêu “ồ” hoặc “trời ơi”?  - Các từ in đậm có thể tách thàng câu riêng không? Nếu được thì chúng sẽ thuộc kiểu câu nào? | **II.1 Tìm hiểu tp tình thái**  - Đọc ví dụ  -Phát hiện  - Phát hiện  - Suy nghĩ, nêu ý kiến  -Quan sát bảng tư liệu so sánh để nhận xét  -Nhận xét kq  -Đọc  -Phát hiện  - Nhận xét kq  ***II.2* Tìm hiểu th/p cảm thán**  -Đọc ví dụ  -Thảo luận theo nhóm bàn  (5’)  ->Đại diện trình bày  ->Nhận xét bổ sung. | **II. Các thành phần biệt lập**  **1. Thành phần tình thái**  ***\*Ví dụ1***  a.Với lòng mong nhớ của anh, **chắc** anh/  Khởi ngữ CN  nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xô vào lòng  VN  anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh.  b. Anh quay lại nhìn con vừa khe khẽ lắc đầu vừa cư­ời. **Có lẽ** vì khổ tâm đến nỗi  VN  không khóc đư­ợc// nên anh/ phải cư­ời vậy thôi. CN VN  ***\*Nhận xét***  - Thành phần tình thái được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.  ***\*Ví dụ 2***  a. Theo tôi ông ấy là người tốt.  chủ quan => thể hiện ý kiến của người nói  b.  - Em chào cô ạ! (Kính trọng)  Thể hiện thái độ của ng­ười nói đối với người nghe:  \* Các loại tình thái:   * Tình thái biểu thị thái độ của người nói với sự việc được nói đến trong câu thường gắn với thái độ tin cậy của sự việc:   + Chỉ độ tin cậy cao: *chắc chắn, chắc hẳn, chắc là.. .*  + Chỉ độ tin cậy thấp: *hình như, dường như, hầu như, có vẻ như..* .   * Tình thái gắn với ý kiến của người nói, như: *theo tôi, ý ông ấy, theo bạn*.. . * Tình thái chỉ thái độ của người nói đối với người nghe*: à,a, hả, hử, nhỉ, đây, đấy.. .*   \* Vị trí:: Trong câu, tình thái có thể đứng đầu câu, giữa câu, hoặc cuối câu.      **2. Thành phần cảm thán.**  **\* *Ví dụ***  a**) Ồ**, sao mà độ ấy vui thế.  (Kim Lân, *Làng*)  b**) Trời ơi**, chỉ còn có năm phút.  (Nguyễn Thành Long, *Lặng lẽ Sa Pa)*  ***\* Nhận xét*** |
|
| H: Những từ này trong câu gọi là thành phần cảm thán. Em hiểu gì về thành phần cảm thán? Vị trí trong câu của thành phần này so với thành phần tình thái?  H: Những thành phần biệt lập đã học?đặc điểm và công dụng của các thành phần đó | - Nhận xét kq  - Khái quát, rút ra ghi nhớ. | -Thành phần cảm thán đ­ược dùng để bộc lộ tâm lí của người nói (vui, buồn,…)  - Thường đứng ở đầu câu.   * Thành phần cảm thán có thể tách ra thành một câu riêng theo kiểu câu đặc biệt, khi tách riêng nó là câu cảm thán.   ***\* Ghi nhớ*** ( SGK/ 18) |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (16’)**

- Phương pháp: đọc, nêu vấn đề, thuyết trình.

- Kĩ thuật: động não, nhóm

- Năng lực: tư duy, tự học, sd ngôn ngữ...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THẦY** | **TRÒ** | **CHUẨN KT- KN CẦN ĐẠT** |
| **III. Hướng dẫn HS luyện tập**  + Gọi Hs đọc y/c bt1  H: Tìm thành phần tình thái và cảm thán trong các câu sau ?  + Gọi HS đọc bài tập 2.  H: Hãy sắp xếp những từ ngữ sau đây theo trình tự tăng dần độ tin cậy?  +Tổ chức HS thi xem ai nhanh hơn ( 2’)  + GV cho quan sát tranh đặt 2 câu cho một bức tranh ( 1 câu có dùng tình thái, 1 câu có dùng cảm thán)  + Kiểm tra nhận xét  +Liên hệ gd môi trường | - Đọc y/c bt1  ->Làm miệng  -> Nhận xét    - Đọc y/c bt2  -> Lên bảng làm  -> Nhận xét  -Quan sát tranh  +Cử nhóm trưởng ghi  -> đặt câu theo nội dung tranh ( 2 câu) | **III. Luyện tập**  ***Bài tập 1***- SGK/ 19  a. “ có lẽ” - tình thái  b. “ Chao ôi”- cảm thán  c. “ Hình như”- tình thái  d. “ Chả nhẽ”- tình thái  **Bài tập2**  **=> Dư­ờng như­, hình như, có vẻ như/ có lẽ/ chắc là/ chắc hẳn/ chắc chắn.**  ***Bài tập: Đặt câu theo nội dung tranh***  - Cảnh đánh điện tử của HS  - Thắng cảnh hồ Gươm  - Ô nhiễm môi trường,  - Cháy rừng |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (4’)**

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề, thuyết trình

- Kĩ thuật: động não

- Năng lực: tự học

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THẦY** | **TRÒ** | **CHUẨN KT- KN CẦN ĐẠT** |
| **IV. Hướng dẫn HS vận dụng**  H:Viết một đoạn văn ngắn nói về cảm xúc của em khi được thưởng thức một tác phẩm văn nghệ, trong đoạn văn có câu chứa thành phần tình thái hoặc cảm thán? | **V. Vận dụng**  **-** Trình bày  -> Nhận xét |  |

**E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG (2’)**

- Phương pháp: đọc, nêu vấn đề ,thuyết trình.

- Kĩ thuật: động não

- Năng lực: tư duy, tự học, sd ngôn ngữ, cảm thụ văn bản.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THẦY** | **TRÒ** | **CHUẨN KT- KN CẦN ĐẠT** |
| **V.** **Hướng dẫn tìm tòi mở rộng kiến thức.**  H:Tìm ví dụ trong tác phẩm đã học có thành phần biệt lập? Tác dụng? | **V. Tìm tòi mở rộng.**  - Tìm |  |